

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-01-2023
V/v: Tranh chấp
xin ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Á

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Thắm
2. Ông Võ Văn Cho

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị M, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp A, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

2. Bị đơn: Anh N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp B, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị M trình bày: Năm 2020, chị và anh N tự quen biết rồi sống chung như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng

bất đồng ý kiến, tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi nên đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nhận thấy đời sống chung không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung cháu tên Huỳnh Chí Kiên (N) sinh ngày 20/7/2021. Sau khi ly hôn chị M có yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn anh N trình bày: Anh thống nhất về thời gian tiến đến kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Có 01 con chung cháu tên Huỳnh Chí Kiên (N) sinh ngày 20/7/2021. Sau khi ly hôn anh đồng ý để vợ nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi.

Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt là phù hợp.

Về việc nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn M và bị đơn N. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Ngueyexn Hoàng N giao cháu Huỳnh Chí Kiên (N), sinh ngày 20/7/2021 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung: Chưa yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Về nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị M và anh N sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nay do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị M yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh N, do anh N có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị M và anh N chung sống với nhau từ năm 2020, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Tòa án đã phân tích, động viên để các bên trở về đoàn tụ và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng các bên đều xác định vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Việc chị M yêu cầu ly hôn phía anh N cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh N.

[3.2] Về con chung: Chị M và anh N cùng xác định có một con chung cháu tên Huỳnh Chí Kiên (N) sinh ngày 20/7/2021. Hiện cháu đang sống cùng chị M. Anh N thống nhất giao cháu Kiên cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện giữa các đương sự.

[3.2] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi. Xét đây là ý chí tự nguyện của anh N, sự tự nguyện này phù hợp với quy định và có lợi cho chị M, cháu Kiên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của anh N đối với cháu Kiên. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho anh N không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung: Chưa xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[3.4] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị M phải chịu 300.000 đồng

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Úy M và anh N.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh N giao cháu Huỳnh Chí Kiên (N) sinh ngày 20/7/2021 cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho anh N không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chưa xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai số 0012216 ngày 08/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị M đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật tại nơi cư trú.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều

30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã Tân Phú Thạnh;
- UBND xã Trường Long Tây;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Á